

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 68

Phân Nhiếp Quyết Trạch
Địa Thanh Văn

Đoạn 2:

Hỏi: Các hành tịch diệt là Diệt đế chẳng? Nếu là Diệt đế cũng là các hành tịch diệt chẳng?

Đáp: Nếu là Diệt đế, cũng là các hành tịch diệt. Hoặc có các hành tịch diệt nhưng không phải là Diệt đế. Nghĩa là do vô thường diệt, phi trạch diệt nên các hành tịch diệt.

Hỏi: Những gì là pháp diệt? Nên gọi là Diệt đế chẳng?

Đáp: Lược có hai thứ:

1. Phiền não diệt.
2. Chỗ dựa diệt.

Phiền não diệt nên đạt được Diệt đế Hữu dư y. Chỗ dựa diệt nên đạt được Diệt đế Vô dư y.

Hỏi: Nếu Diệt đế này, trước tiên không có hữu sau, vậy thế nào là thường? Nếu lúc thường có, sao Tất cả hữu tình không ở nơi Tất cả thời Bát-niết-bàn?

Đáp: Tướng không lưu chuyển, tướng không hiện hành là tướng của Diệt đế. Đế này vì thế trước tiên không có hữu sau.

Lại, tướng không sanh, tướng không diệt là tướng thường. Diệt đế cũng vậy, do đó gọi là thường.

Nếu có người chứng đắc tất cả thô trọng đều vĩnh viễn dứt diệt, thì người ấy Bát-niết-bàn. Nếu chưa chứng đắc, người kia không Bát-niết-bàn, chỉ có Diệt đế. Các loài hữu tình có chứng đắc, thế nên Niết-bàn là chỗ hiển bày của sự chứng đắc, không phải là chỗ hiển bày của sanh.

Lại nữa, hoặc có xa lìa bốn thứ lỗi lầm, gọi là Diệt đế. Đó gọi là

thuyết giảng đúng đắn. Những gì gọi là bốn thứ lỗi lầm? Đây là:

1. Lỗi lầm Tăng ích.
2. Lỗi lầm của tự tướng phân biệt tà vạy.
3. Lỗi lầm cùng tạp loạn.
4. Lỗi lầm tổn giảm.

Nếu nói các hành Tận diệt có khác, là lỗi lầm Tăng ích.

Nói không khác, là lỗi lầm của tự tướng phân biệt Tà vạy.

Nói cũng có khác cũng không khác, là lỗi lầm cùng Tạp loạn.

Nói không phải có khác, không phải không khác, là lỗi lầm tổn giảm.

Hỏi: Nếu chỉ Tất cả năm phi thủ uẩn xuất thế gian đều thuộc về Đạo đế, thì do nhân duyên nào chỉ nói chánh kiến là trước tiên nơi Tám chi Thánh đạo, mà là Đạo đế?

Đáp: Dựa nơi ba học nên nói như thế.

Do hữu học, đối với từng thời gian, dựa nơi Giới học Tăng thượng mà khởi tu học. Đối với từng thời gian, dựa nơi Tâm học Tăng thượng mà khởi tu học. Nơi từng thời gian, dựa vào Huệ học Tăng thượng mà khởi tu học.

Lại, Tám chi Thánh đạo này thuộc về ba uẩn, thế nên ở đây chỉ nói là Đạo đế.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng gọi là Giới uẩn?

Đáp: Do hai nhân duyên:

1. Dựa nơi pháp đang thọ dụng.
2. Dựa nơi Tài sản đang thọ dụng.

Nghĩa là, chánh ngữ, chánh nghiệp, Giới là căn bản, Giới là chỗ dựa, mới có thể thọ dụng tất cả Chánh pháp. Thế nên nói là dựa nơi pháp đang thọ dụng.

Do chánh mạng nên không dựa nơi sự đối trá v.v... để khởi pháp tà mạng cầu y phục v.v... Đây là căn bản, đây là xứ dựa để thọ dụng đúng đắn về của cải. Thế nên nói là dựa nơi tài sản đang thọ dụng.

Lại, ở nơi xứ này, Đức Thế Tôn nói là Tánh hiện hành của ý thanh tịnh Tăng thượng. Trong đây, nương dựa nơi tham v.v... để khởi tư phạm giới. Nương dựa nơi đối trá v.v... để khởi truy cầu tà vạy về như như y phục v.v... Nếu lìa bỏ sự ấy, nên biết đó gọi là tánh hiện hành của ý thanh tịnh Tăng thượng.

Hỏi: Do nhân duyên nào nên chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh Tấn gọi là Huệ uẩn?

Đáp: Do Huệ uẩn này lược có ba thứ tác nghiệp. Nhân nơi ba pháp ấy mới đạt được cứu cánh:

1. Thông đạt nghĩa chân thật của các pháp.
2. Thông đạt nghĩa chân thật của các pháp rồi, tức ở đây, vì kẻ khác tuyên thuyết, nêu đặt, kiến lập, phân biệt khai thị khiến họ dễ hiểu rõ.

3. Vì đoạn trừ kiết còn lại, nên theo pháp hành trì.

Ba nghiệp như thế do chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh Tấn nên theo như thứ lớp mà đạt cứu cánh.

Hỏi: Do nhân duyên gì, chánh niệm, chánh định gọi là Định uẩn?

Đáp: Do hai nhân duyên:

1. Do tự Tánh.
2. Do chỗ dựa.

Do tự Tánh: Nghĩa là Tam-ma-địa.

Do chỗ dựa: Có bốn nhân duyên nên niệm đối với định ấy có thể làm chỗ dựa:

1. Thâu giữ đối tượng duyên: Nghĩa là nơi bốn niệm trụ thâu giữ lấy Tâm.

2. Tùy thuận nơi định: Nghĩa là do niệm này, nơi căn môn được giữ gìn, chánh tri mà trụ, thuận xứ hoan hỷ, tác ý theo niệm có thể tùy thuận định.

3. Có thể đoạn trừ cái: Nghĩa là ở trong tác ý đối trị các cái đều có quán bất tịnh riêng có thể đoạn trừ các cái.

4. Hành nhiều tác ý tu tập tướng: Tức là người xa lìa, ở trong tướng dừng, nêu, xả, gia hạnh cẩn trọng không gián đoạn, có thể tu Tập nhiều. Do đó, niệm này là chỗ dựa của định.

Lại nữa, chánh kiến sai biệt lược có mười một thứ. Nghĩa là kiến như bệnh, kiến như ung nhọt, cho đến kiến vô ngã, kiết kiết, kiến ly hệ, kiến có thể lìa biết. Nơi bốn thứ hành, theo như thứ lớp có bốn thứ kiến. Nghĩa là ở trong hành cùng hành của các phiền não triền, ở trong hành cùng hành của phiền não tùy miên, ở trong hành cùng hành của ái vị, ở trong hành cùng hành của lỗi lầm tai họa, lần lượt quán chúng như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, như chướng ngại. Nếu đối với các hành quán về sanh diệt, gọi là kiến vô thường. Quán về chỗ đeo đuổi của ba khổ, gọi là kiến khổ. Quán về sự xa lìa ngã, ngã sở còn lại, gọi là kiến không. Quán thể Tánh của các hành kia, tướng là phi ngã, ngã sở, gọi là kiến vô ngã. Tám thứ như thế là duyên nơi chánh kiến của Khổ đế. Nếu đối với Tập đế quán về nhân Tập sanh duyên, gọi là kiến kiết,

do Tập đế kia ở trong Khổ đế khởi kiết Tập nhiễm.

Hoặc đối với Diệt đế, quán diệt tính diệu ly gọi là kiến ly hệ. Do Diệt đế kia, tất cả phiền não cùng chỗ dựa, đã hiển bày nẻo lìa trói buộc. Nếu đối với Đạo đế quán đạo như hành xuất, gọi là kiến có thể lìa kiết, do Đạo đế kia rốt ráo có thể lìa trói buộc, đã hiển bày.

Hỏi: Nếu trước khởi kiến vô thường, khổ, không, vô ngã, sau mới khởi kiến như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, như chướng ngại. Vì sao ở đây trước nói kiến như bệnh v.v...?

Đáp: Ở đây là dựa nơi Bồ-đặc-già-la đã được đạo đế nói các kiến kia là trước. Vì sao? Vì các bậc hữu học đã được Thánh đạo, do ý lạc Tăng thượng, nên đối với các thủ uẩn quán là như bệnh, cho đến như chướng ngại. Quán như vậy rồi là nhằm đoạn trừ các kiết còn lại. Lại khởi kiến vô thường của phần vị trên thanh tịnh cho đến kiến vô ngã. Nên biết ở đây lwocj có hai thứ kiến vô thường v.v...

1. Kiến như bệnh v.v..., đối tượng dựa là kiến không thanh tịnh. Do đây làm trước, do đây là dẫn đường, vì nhằm đạt được điều chưa được.

2. Kiến như bệnh v.v... chủ thể dựa là kiến thanh tịnh.

Đã được kiến như bệnh v.v..., lại khiến Tăng trưởng và được Tâm khéo giải thoát. Như thế, trong mười một thứ chánh kiến, kiến hành không hành vô ngã, gọi là hành không. Kiến hành còn lại gọi là hành vô nguyện. Kiến một hành gọi là hành vô tướng, nghĩa là đối với Diệt đế kiến hành ly hệ.

Lại nữa, ở trong tu đạo, tất cả đạo xuất thế gian duyên nơi bốn đế làm cảnh, nên biết đều có thể đối trị tất cả phiền não của ba cõi. Vì sao? Vì do các vị hữu học đã kiến tích, trước do pháp trí, loại trí, ở trong tất cả hành hiện bày không hiện bày, khởi hiện quán rồi, đối với tu đạo gồm thấu tất cả hành, chung làm một nhóm, một phần, một tụ. Do hành như vô thường v.v... thứ lớp quán xét, nhưng không phân biệt đây là hành cõi Dục, đây là hành cõi Sắc, đây là hành cõi Vô sắc, đây là kiến hiện, đây không phải là kiến hiện. Do đó nên biết, ở trong tu đạo, Thánh đạo thuộc về các đạo xuất thế gian, có thể đối trị chung tất cả phiền não của địa dưới địa trên.

Lại nữa, các vị Thánh kia ở trong tu đạo, do đạo xuất thế gian mà lúc thăng tiến, phần nhiều dùng hành vô tướng, thường xuyên Tác ý tư duy về vô tướng. Vì sao? Vì do Tác ý này rất có thể dẫn phát hiện pháp lạc trụ, đoạn trừ phiền não.

Lại nữa, năm thần thông, nguyện trí vô tránh, vô ngại giải v.v... cùng tất cả pháp Phật bất cộng hiện có của các Như lai như lực, vô úy

... đều là chỗ chứng đắc sau của đạo, được kiến lập tánh ấy là đạo thanh tịnh. Do nhân duyên này nên đều thuộc về Đạo đế.

Hỏi: Tất cả bốn đế đều nên nhận biết khắp, vì sao chỉ nói Khổ đế là nên nhận biết khắp?

Đáp: Do đối với Khổ đế, dùng hai thứ tướng nên nhận biết khắp:

1. Tự tướng.
2. Cộng tướng.

Đối với các đế còn lại, chỉ nhận biết về tự tướng. Nghĩa là do các hành như nhân v.v... để nhận biết tự tướng của Tập đế. Do các hành như diệt v.v... để nhận biết tự tướng của Diệt đế. Do các hành như đạo v.v... để nhận biết tự tướng của Đạo đế. Thế nên chỉ nói Khổ đế là nên nhận biết khắp.

Hỏi: Khổ đế cũng nên vĩnh viễn đoạn trừ. Vì sao chỉ nói Tập đế là nên vĩnh viễn đoạn trừ?

Đáp: Do Tập đế vĩnh viễn đoạn trừ có thể hiển bày sự đoạn trừ vĩnh viễn của Khổ đế, vì vậy chỉ nói Tập đế là nên vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại nữa, ở trong các đế lược có hai thứ hiện quán:

1. Hiện quán của trí.
2. Hiện quán đoạn trừ.

Hiện quán của trí: Nghĩa là tùy theo thứ lớp, ở trong các đế, trí biệt tướng sanh.

Hiện quán đoạn trừ: Là thuận theo thứ lớp, trí không điên đảo sanh làm chỗ dựa, chứng đắc đoạn trừ phiền não hiện có.

Lại nữa, lược có năm thứ nhân duyên phát khởi chánh tinh tấn:

1. Tuyên thuyết Chánh pháp.
2. Tu hành cùng trụ.
3. Xét lỗi lầm của biếng trễ, thấy rõ công đức của tinh tấn.
4. Do sức xét chọn nối tiếp thành thực.
5. Nhận biết về đối tượng chứng đắc trước sau có sai biệt.

Lại nữa, lược có hai thứ đối với việc đoạn trừ, Tác chứng:

1. Đối với chủng tử, tác chứng bằng “phục đoạn”.
2. Đối với chủng tử, tác chứng bằng đoạn trừ vĩnh viễn.

Nên biết ly hệ cũng có hai thứ:

1. Ly hệ riêng đối với các phẩm phiền não.
2. Ly hệ tương quan đối với các sự phiền não.

Hỏi: Như Đức Thế Tôn nói: “Bí-sô các ông chớ hành đối trá, dua nịnh”. Ở đây, Đức Như lai quán thấy dua nịnh quanh co có bao nhiêu thứ lỗi lầm, nên khuyên các Bí-sô không nên hành dua nịnh?

Đáp: Quán dua nịnh quanh co có mười hai thứ lỗi lầm:

1. Do dua nịnh quanh co nên không thể chứng đắc trí huệ chân thật.

2. Danh dự thối mất.

3. Sự tin tưởng của kẻ khác bị thối thất.

4. Công đức Tăng trưởng bị thối thất.

5. Thối thất đối với việc gần bên bậc trí lắng nghe Chánh pháp, tiếp nhận sự chỉ dạy, trao truyền.

6. Các ác Tăng trưởng.

7. Khiến Tâm nổi tiếp trái lìa các thiện.

8. Do dua nịnh bất bình tổn hại nơi Tâm, thường mang khổ não, không an ổn trụ.

9. Lo lắng đối với pháp khổ sau.

10. Không phải là pháp khí của bậc Thánh.

11. Lâm chung bị hối hận.

12. Thân hoại về sau đọa nơi nẻo ác, sanh nơi Na lạc ca.

Lại nữa, trong cõi Dục, dua nịnh có Tám thứ hành và bảy thứ sự.

- Những gì là Tám hành? Đó là:

1. Hành dua nịnh mê hoặc.

2. Hành dua nịnh che giấu.

3. Hành dua nịnh hiển bày.

4. Hành dua nịnh cố kết.

5. Hành dua nịnh cung thuận.

6. Hành dua nịnh mưu kế.

7. Hành dua nịnh suy chú.

8. Hành dua nịnh hiện bi.

- Những gì là bảy sự? Đó là:

1. Sự ngôn thuyết.

2. Sự cật vấn.

3. Sự trái, tranh.

4. Sự hiện bạn thân.

5. Sự hiện tin giao.

6. Sự Tạo Tác giả thác.

7. Sự gian khó.

Do sự thứ nhất, nên kẻ dua nịnh cùng với các thế gian tùy khởi ngôn thuyết, ở trong phi nghĩa hiện rõ là nghĩa, do tướng mê hoặc. Hoặc ở trong nghĩa hiện bày phi nghĩa. Như đối với nghĩa phi nghĩa, đối với có, không có, nên biết cũng thế.

Lại, ở trong dua nịnh hiện hành đã khởi các hành ác, nếu kẻ khác cật vấn người dua nịnh, tức liền che giấu tội thật, hiển bày đức không thật.

Lại, người tranh luận như muốn xét tìm công đức, lỗi lầm, bấy giờ kẻ dua nịnh tức liền cố kết với các nhóm bạn xấu ác.

Lại, kẻ dua nịnh thấy người tranh luận có sức bạo ác, Tâm sanh sợ hãi, liền dùng hai nghiệp thân ngữ thấp kém, tùy thuận cung kính, hiện tướng bạn thân.

Lại, kẻ dua nịnh nếu thấy người chánh trực có thể làm khuôn phép cho điều lợi, bên trong hiện bày là người không thể tin giao, nhưng bên ngoài hiện rõ là đã hết sức tin cậy. Nghĩa là trong hành, trụ, giả trá tích tập tướng thanh, thiện.

Lại, kẻ dua nịnh đối với bạn bè thân thiện, đắc ý, trong sự việc tạo tác rộng lớn nơi vị lai, trước trá hiện làm bạn, sau, lúc tạo tác sự việc hiện tiền, giả hiện vô số phương tiện suy xét, giải thích, nghĩa là nhằm ngăn giữ sự lao nhọc của chính mình.

Lại, kẻ dua nịnh tùy gặp một loại sự khổ não rồi, đối với người oán đối kia, nếu họ gặp phải sự khổ, thật không đến nỗi lo khổ như thế, nhưng tự hiển bày là hết sức lo khổ, sầu não.

Lại nữa, Thanh-văn nói lời thô ác (thô ngữ) hãy còn không nên ở trong các đế chỉ dạy khuyên trao, hướng chi là sẽ có thể đạt được hiện quán về chân đế, hoặc lại thanh tịnh.

Lại có chín thứ tướng thô ngữ của Thanh-văn thô ngữ. Nếu có Thanh-văn Tạo nên các tướng như thế, nên biết đó gọi là Thanh văn thô ngữ không thể cùng hành ngữ.

Những gì là chín tướng? Nghĩa là Bồ-đặc-già-la có thể cử tội, lúc đang cật vấn, kẻ kia dùng lời không hay đẹp giả hợp mà đáp, hoặc không tương ứng, hoặc không đầy đủ, hoặc dựa vào phương tiện của sự việc khác để đáp. Đó gọi là tướng thứ nhất.

Lại dùng lời nói sai lầm xằng bậy, giả đặt luận khác, tạo phương tiện để chối bỏ các sự việc được cật vấn. Đó là tướng thứ hai.

Lại giận dữ vây buộc làm nhiều loạn Tâm, khiến tự Tâm tối tăm, vẫn đục. Đó là tướng thứ ba.

Lại giận dữ vay buộc, phát khởi phẫn oán, ngôn ngữ mạ lỵ thô bỉ. Đó là tướng thứ tư.

Lại khởi Tâm cao ngạo: Kẻ kia đã nói về ta, ta cứ sao lại không nói về kẻ ấy? Đó là tướng thứ năm.

Lại quyết che giấu về chỗ tạo tội của mình. Đó là tướng thứ sáu.

Tâm lại kết oán nối tiếp không bỏ. Đó là tướng thứ bảy.

Lại phát khởi nhiều Tâm báo oán, đó là tướng thứ Tám.

Lại, lúc kẻ khác nói rõ mình là người có thể cử tội, nêu các công đức hoặc thật hoặc không thật, người kia không sanh tin hiểu, cũng không bài bác, hủy báng.

Ở đây, lược có hai loại Bồ-đặc-già-la cử tội:

1. Cùng được tôn trọng.
2. Không cùng được tôn trọng.

Nên biết trong ấy, hai thứ tướng đầu, là dựa nơi Bồ-đặc-già-la có thể cử tội thứ nhất. Bảy thứ tướng còn lại là dựa nơi Bồ-đặc-già-la có thể cử tội thứ hai.

Lại nữa, trong phần Bản địa đã dựa nơi tướng tương ứng của các Tỳ-nại-da thuộc Giới luật nghi, nay sẽ quyết trạch. Tụng nêu:

Gồm chế lập Thi-la

Không dật, chướng giác quán

Dựa thân nhận, thọ dụng

Nói sự dụ thâm diệu.

Lược có bảy xứ gồm thân Tỳ-nại-da và Biệt giải thoát.

- Những gì là bảy? Đó là:

1. Giáo sắc.
2. Khai thính.
3. Chế chỉ.
4. Xứ phạm.
5. Có phạm.
6. Không phạm.
7. Xuất tội.

- Thế nào là giáo sắc? Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, trong Tỳ-nại-da đã răn dạy các Bí-sô xả bỏ pháp bất thiện, Tăng trưởng pháp thiện. Nên biết đó gọi là lược nói về tướng của tất cả giáo sắc (chỉ dạy khuyến răn). Nếu phân biệt rộng thì có vô lượng vô biên.

- Thế nào là khai thính (mở bày, chấp nhận)? Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, trong Tỳ-nại-da đã mở bày, cho phép tất cả các Bí-sô có thể hiện rõ nhân duyên của chỗ thọ dụng các vật nuôi sống không nhiễm ô.

- Thế nào là chế chỉ? Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn, trong Tỳ-nại-da đã ngăn cấm tất cả Bí-sô theo tự tánh nơi pháp có tội trái với pháp không tội.

- Thế nào là xứ phạm? Lược có mười tám xứ:

1. Bất thiện.

2. Trái với thiện.
3. Thân nghiệp.
4. Ngữ nghiệp.
5. Ý nghiệp.
6. Giới hoại.
7. Kiến hoại.
8. Quý Tắc hoại.
9. Chánh mạng hoại.
10. Tùy hội tha Tâm.
11. Hộ tha tổn não.
12. Hộ phi xứ nghi lo.
13. Dâm.
14. Bát.
15. Y.
16. Thức ăn.
17. Ngọa cụ.
18. Thuốc men chữa bệnh cùng các vật dụng khác.

- Bất thiện: Là Tánh tội hiện có.

- Trái với thiện: Là già tội hiện có.

- Xứ của nghiệp thân ngữ ý: Là theo chỗ ứng hợp, ở trong Tất cả năm tụ phạm, nên biết về tướng của chúng.

Như vậy, xứ phạm còn lại cũng ở trong năm tụ phạm, theo chỗ ứng hợp nên biết về tướng của chúng.

- Thế nào là có phạm? Nghĩa là nếu lược nói có năm tụ phạm: Do đâu ở trong năm tụ phạm này, khởi các thứ trái phạm? Nghĩa là năm nhân:

1. Nhân duyên.
2. Phát khởi.
3. Sự.
4. Phương tiện.
5. Cứu cánh.

Phân biệt nghĩa này, ở trong Tỳ-nại-da, Ma-đát-ly-ca của phần nhiếp sự sẽ nói rộng.

Lại có chín thứ phạm:

1. Phạm của Cận sự nam.
2. Phạm của Cận sự nữ.
3. Phạm của Cận sách nam.
4. Phạm của Cận sách nữ.

5. Phạm của hàng Chánh học.

6. Phạm của Bí-sô-ni.

7. Phạm của Bí-sô.

8. Phạm của hạng phàm phu.

9. Phạm của hàng Hữu học. Không có bậc vô học phạm. Vì sao? Vì do bậc vô học ấy lại không có chỗ nên tạo tác. Pháp như thế đạt được là nhỏ, và tùy theo tất cả học xứ nhỏ thấy đều dừng dứt. Lại nhất định không thể phạm tội nhiễm ô.

- Thế nào là không phạm? Lược có bốn thứ:

1. Phạm lần đầu.

2. Điên cuồng.

3. Tâm loạn.

4. Bị khổ thọ bức bách.

- Thế nào là xuất tội? Lược do năm tướng:

1. Do tự mình.

2. Do kẻ khác.

3. Do mình và kẻ khác.

4. Dựa chuyển.

5. Dựa xả.

Do tự mình: Là nên tự tỉnh dứt.

Do kẻ khác: Nghĩa là người kiến đế có chỗ trái phạm tội không nhiễm ô.

Do mình và kẻ khác: Là tội nhiễm không nhiễm của các phàm phu.

Dựa chuyển: Nghĩa là Bí-sô chuyển bỏ chỗ dựa, chuyển được chỗ dựa của Bí-sô-ni. Hoặc chuyển bỏ chỗ dựa của Bí-sô-ni, chuyển được chỗ dựa của Bí-sô. Bấy giờ, Bí-sô, Bí-sô-ni đều đã phạm tội. Hoặc chuyển thành hình tướng khác, hoặc chuyển thành không hình.

Dựa xả: Nghĩa là đã mạng chung.

- Lại nữa, lược có mười thứ chế lập học xứ thanh tịnh:

1. Đạo lý thanh tịnh.

2. Quả thanh tịnh.

3. Thâu nhận thanh tịnh.

4. Bên ngoài thanh tịnh.

5. Bên trong thanh tịnh.

6. Đủ phần thanh tịnh.

7. Ái kính thanh tịnh.

8. Tu đối trị phục thanh tịnh.

9. Tu đối trị đoạn tùy miên thanh tịnh.

10. Thanh tịnh tương tục không dứt.

Lại có sai biệt: Nghĩa là có nhân duyên chế lập học xứ thanh tịnh. Xa lìa biên thọ dụng dục lạc, thanh tịnh. Xa lìa biên thọ dụng tự khổ, thanh tịnh. Thắng hành thanh tịnh. Thắng mạng thanh tịnh. Đồng pháp cùng trụ thanh tịnh. Không trái, tranh, thanh tịnh. Phiền não thanh tịnh. Phiền não lìa trôi buộc, thanh tịnh. Nhận giữ Chánh pháp, thanh tịnh.

Lại nữa, lược có mười thứ lỗi lầm đối với Thi-la:

1. Lỗi lầm do hủy hoại pháp đã học.
2. Lỗi lầm do không hỷ lạc.
3. Lỗi lầm do bần trái nhau.
4. Lỗi lầm do nguyện mong.
5. Lỗi lầm do phóng dật.
6. Lỗi lầm do Tăng thượng mạn.
7. Lỗi lầm do tùy miên không thanh tịnh.
8. Lỗi lầm do ý lạc không thanh tịnh.
9. Lỗi lầm do không xuất ly.
10. Lỗi lầm do hành Giới cấm tà vạy.

Lại có mười thứ công đức của Thi-la:

1. Thi-la hòa hợp.
2. Thi-la không gián đoạn.
3. Thi-la không oán đối.
4. Thi-la không tổn hại.
5. Thi-la bền chắc.
6. Thi-la xuất ly.
7. Thi-la đối trị thù thắng.
8. Thi-la không thối chuyển.
9. Thi-la không chung.
10. Thi-la vô thượng.

Lại nữa, Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa nơi mười thời gian nên không phóng dật. Những gì là mười? Đó là:

1. Dựa nơi thời gian mới hành luật.
2. Dựa nơi thời gian định.
3. Dựa nơi thời gian sanh.
4. Dựa nơi thời gian khát thực.
5. Dựa nơi thời gian hành tác.
6. Dựa nơi thời gian thọ dụng lợi dưỡng, sự cung kính.
7. Dựa vào thời gian cầu đa văn.

8. Dựa vào thời gian tư duy về Chánh pháp.

9. Dựa vào thời gian xa lìa.

10. Dựa vào thời gian thông đạt rốt ráo.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian mới hành luật nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô thành tựu pháp không phóng dật thuộc về năm chi, tức nơi đời trước đã cùng hành, như trước đã nói rộng. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian đầu tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ hai là định, nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô hoặc trụ nơi chốn vắng lặng, hoặc ở bên gốc cây sanh khởi cái tham dục cho đến cái nghi, trọn không an nhẫn, tức liền dứt bỏ, loại trừ hẳn chúng. Do năm thứ cái có thể làm nhiệm ô Tâm, cho đến có thể khiến không đạt được Niết-bàn. Vì nhằm đoạn trừ chúng nên trong mọi thời gian phải tu tướng chỉ, phải tu tướng cử, phải tu tướng xả. Bí-sô ấy nơi tướng chỉ, cử, xả như thế đã được thiện xảo rồi, do Tâm thấp kém lo sợ về thấp kém nên liền tu cử đúng đắn. Do Tâm trạo cử, lo sợ về trạo cử, liền tu nội chỉ, Tâm được bình đẳng liền tu thượng xả.

Lại, ở trong Tam-ma-địa đã đạt được không sanh ái vị, không khởi luyến tiếc, không có tham nhiễm, không vướng mắc mà trụ. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, trong thời gian thứ hai, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ ba là sanh nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô vào lúc lâm chung, Tâm ý mãnh liệt, phát khởi Tâm gia hạnh chân chánh: Tôi nay nên đem chánh mạng duyên nơi Phật nơi Pháp nơi Tăng mà mất. Nên đem Tâm thiện duyên nơi thiện mà chết.

Người ấy bèn phát khởi Tâm giữ gìn thiện như thế như thế, chánh niệm hiện tiền, do chánh niệm duyên nơi Tam bảo cùng Tâm thiện duyên nơi các pháp thiện mà qua đời. Bí-sô này với chánh niệm hiện có, đã duyên nơi Phật-Pháp-Tăng, với Tâm thiện hiện có duyên nơi pháp thiện mà qua đời, gọi là bậc hiền thiện đã mất, bậc hiền thiện không còn nữa, cũng gọi là bậc hiền thiện hưởng đến đời sau. Như vậy gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ ba, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ tư là khát thực nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô dựa nơi thôn ấp làng xóm mà trụ. Vị ấy tức ở nơi thôn ấp xóm làng

đó, nói rộng như nơi kinh Khất thực Thanh Tịnh. Như vậy gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ tư, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ năm là hành Tác, nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô tác nghiệp đối với bát, tác nghiệp đối với y, tác nghiệp đối với các bậc trí đồng phạm hạnh đã hầu cận. Hoặc lại đối với các tác nghiệp hiện có còn lại đều không mặc ý buông thả. Do không mặc ý buông thả nên không bị thiêu đốt, không mất không hoại, cũng không rơi rớt, thất tán, không có lỗi lầm. Mọi sự tạo tác không thô, không ác, không gấp, không chậm, không dao động, không cấu nhiễm. Mọi sự tạo tác đều thuận hợp với thế gian, thuận hợp với phép tắc hiện có của Tỳ-nại-da. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, trong thời gian thứ năm, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ sáu là thọ dụng lợi dưỡng sự cung kính nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô theo chỗ đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, đối với những thứ đạt được ấy không nhiễm không vướng, không tham đắm, không buồn bực, không nắm giữ. Cũng không giữ chặt, vui thích mà thọ dụng. Thấy rõ lỗi lầm của chúng, khéo biết nẻo xuất ly mà thọ dụng. Tùy chỗ đạt được các thứ kia, có thể tự chế phục, không nhân đây mà sanh Tâm kiêu ngạo. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ sáu, tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ bảy là câu đa văn nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô dứt bỏ mọi thứ luận nghị, đọc tụng, câu lời bóng bẩy, lưu loát hiện có của thế gian, tương ứng nơi đa văn. Đối với giáo pháp thâm diệu hiện có do Phật thuyết giảng, tương tự, sâu xa, tương ứng Tánh Không, duyên sanh duyên khởi, hết thảy kinh điển hoặc thuận hoặc nghịch, đều cung kính thọ trì, khiến được rất ráo. Không phải quán các pháp còn có chỗ đạt được lợi lạc thù thắng, gọi là được rất ráo. Không phải quán các pháp thoát khỏi nạn luận, đạt được thắng lợi, gọi là được rất ráo. Không phải vì lợi dưỡng. Không phải vì sự cung kính. Cho đến chỉ vì tự đạt được điều phục, tự đạt được tịch tĩnh, tự chứng đắc Niết-bàn, tự đạt được nghĩa lợi tối thượng của bậc Sa-môn phạm hạnh, nên đối với pháp này, khéo lắng nghe, khéo thọ nhận, đọc tụng thông suốt, thuần thực rất ráo. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, trong thời gian thứ bảy tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ tám là tư duy về Chánh pháp nên không phóng dật? Nghĩa là có Bí-sô, một mình ở chốn vắng lặng, đối với các pháp hiện có, như chỗ đã nghe, như chỗ đã thọ nhận, như chỗ đã đạt được, tư duy về nghĩa, quán sát, nêu tính, tư duy chỗ nên tư duy, lìa bỏ chỗ không nên tư duy. Nơi từng phần ít chỉ sanh tin hiểu, nơi từng phần ít dùng Huệ quán xét. Phạm chỗ tư duy chỉ dựa nơi nghĩa, không dựa nơi văn, nhận biết rõ đúng như thật về thuyết lớn, thuyết tối tăm. Tư duy bền vững, tư duy chắc thật, tư duy nối tiếp, tư duy theo chỗ cần phải rõ ráo, ở nơi trung gian trọn không thối chuyển. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ tám tu không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ chín xa lìa nên không phóng dật? Nghĩa là như có Bí-sô, không cùng với người tại gia và chúng xuất gia cùng trụ lẫn lộn không đồng điều vui, không đồng chỗ lo, nói rộng cho đến ở trong chỗ sanh khởi sự nghiệp thế gian, trọn không chấp nhận hoàn toàn chuyển theo. Chỉ ở nơi rừng núi vắng lặng là biên vực tận cùng về vật dụng ngồi nằm, xa lìa tất cả trụ xứ của hữu tình, xa lìa tất cả các thứ tùy phiền não tán loạn, biếng trễ, gây chướng ngại cho Chỉ, Quán. Như vậy gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ chín tu Tập không phóng dật.

- Thế nào là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, dựa vào thời gian thứ mười là thông đạt rõ ráo nên không phóng dật? Nghĩa là như có Bí-sô, đối với có, nhân biết như thật là có. Đối với không có, nhận biết như thật là không có. Đối với hữu thượng, nhận biết như thật là hữu thượng. Đối với vô thượng, nhận biết như thật là vô thượng. Do vị ấy đối với có, không có, hữu thượng, vô thượng đều nhận biết đúng như thật, nên đối với chỗ chưa đạt được không sanh tưởng đạt được, đối với chỗ chưa chứng đắc không sanh tưởng chứng đắc, chỗ thâm giữ lìa Tăng thượng mạn, không phải là Tăng thượng mạn, nên tự ghi nhận chỗ đã lãnh hội. Như thế gọi là Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, ở trong thời gian thứ mười tu tập không phóng dật.

Lại nữa, có bốn thứ chướng ngại, có thể gây chướng ngại việc xuất gia:

1. Chướng ngại của ý lạc.
2. Chướng ngại của chỗ dựa.
3. Chướng ngại của nghiệp.
4. Chướng ngại do không tự Tại.

- Chương ngại của ý lạc: Nghĩa là hoặc vì bị uy quyền của vua bức bách nên cầu xuất gia v.v...

- Chương ngại của chỗ dựa: Nghĩa là hoặc do mù điếc, hoặc là hàng Phiến-trạch-ca, Bán-trạch-ca, hoặc mắc phải các thứ bệnh ác não hại thân v.v... các loại như thế v.v...

- Chương ngại của nghiệp: Nghĩa là các thứ nghiệp ác cực nặng như sát hại cha mẹ v.v...

- Chương ngại do không tự tại: Tức như cha mẹ không chấp thuận cho xuất gia. Hoặc các hạng tội tố lệ thuộc nơi chủ của họ, hoặc đại thần của vua bị kẻ khác cướp đoạt.

Lại nữa, lược có năm xứ, các người xuất gia đối với Tỳ-nại-da, quyết định nên học. Những gì là năm? Nghĩa là nên học để biết có phạm, không phạm, hoặc nặng hoặc nhẹ cùng chỗ nói tóm lược về kinh Biệt Giải Thoát.

Có phạm - không phạm, như trước đã nói. Do sáu thứ sai biệt nên chỗ phạm thành nặng:

1. Sai biệt về chế lập. Nghĩa là đối với học xứ mà chế lập.
2. Sai biệt về sự: Tức như tuy đồng là Ba-dật-đề-ca, nhưng Tánh tội hiện có như sát sanh v.v..., đối với giá tội khác thì có sai biệt.
3. Sai biệt về hủy phạm: Là như có Bí-sô thường xuyên phạm.
4. Sai biệt do phiền não: Nghĩa là như có một Bí-sô do tham sân si triển quá mãnh liệt nên phạm.
5. Sai biệt do trí: Nghĩa là như có một Bí-sô phẩm thiện mỏng ít, trí huệ hẹp kém, tuy kiến lập như nhau, sự việc, chỗ hủy phạm, phiền não dấy khởi như nhau, nhưng chỗ phạm của người này trở thành chướng cực trọng, không phải như người có chỗ phạm trái với đây. Như dòng nước chảy nhỏ, một ít cỏ có thể ngăn dứt. Đối với những cỏ mềm kia, dòng nước cũng không thể cuốn trôi, nhận chìm. Như dòng nước chảy lớn, thì cây cỏ được tích tụ cũng không thể ngăn chặn nổi. Đạo lý ở đây nên biết cũng thế.
6. Sai biệt do thời gian: Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với chỗ đã phạm không thể mau chóng như pháp sám hối dứt trừ, qua thời gian dài hành Tập rồi sau đấy mới đối trị. Cùng trái với đây, nên biết chỗ phạm ấy gọi là tội nhẹ.

Lại nữa, những người giữ giới luật nên dùng năm tướng để quán xét về chỗ phạm, sau đấy mới đoán tội. Những gì là năm? Đó là:

1. Hoàn toàn là Tọa nhiễm.
2. Hoàn toàn không hành.

3. Nơi nương dựa để chế lập.
4. Hiện lỗi lầm kia sanh chẳng sanh.
5. Không phải hoàn toàn hiện hành.

Ở đây, chỗ phạm hoàn toàn là Tạp nhiễm: Nghĩa là các Tánh tội phải nên hoàn toàn chỉ dạy khiến không phạm. Nếu hủy phạm, thì như chỗ thích hợp nên được hiển bày, khiến mau chóng sám hối dứt trừ.

Lại, Đức Thế Tôn đã dựa vào hữu tình này, phương này, thời gian này để chế lập học xứ của giá tội như thế. Nếu có hữu tình khác, phương khác, thời gian khác phạm lỗi lầm ấy, thì đều xét theo lỗi ấy mà chế lập, như chỗ đã phạm phải hiển bày pháp đối trị.

Hoặc có người không phạm lỗi lầm như vậy, thì không nên đối với người ấy xét đoán về có phạm, cũng không nên hiển bày pháp đối trị. Như thế gọi là nêu bày tóm lược chung về sự quan sát chỗ phạm.

Lại nữa, Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, phải nương dựa bảy xứ ở trong sáu xứ để tu gia hạnh.

Thế nào là nương dựa nơi bảy xứ ở trong sáu xứ để tu gia hạnh? Đó là:

1. Nương dựa nơi đại sư.
2. Nương dựa nơi thân giáo.
3. Nương dựa nơi quý phạm.
4. Nương dựa vào y phục.
5. Nương dựa vào khát thực.
6. Nương dựa vào ngọa cụ.
7. Nương dựa vào các thứ y dược của bệnh duyên.

Bảy xứ này, đối với pháp, đối với học, đối với giáo thọ giáo giới, đối với đẳng trì, cúng dường, không phóng dật, nên tu gia hạnh.

- Ở đây, pháp: Là kinh Biệt Giải Thoát cùng phân biệt rộng.

- Học: Là Giới học, Tâm học, Huệ học Tăng thượng.

- Giáo thọ giáo giới (chỉ dạy khuyên trao): Là dựa nơi ba học Tăng thượng để chỉ dạy khuyên trao.

- Đẳng trì: Là chín định thứ đệ.

- Cúng dường: Là cúng dường của cải và cúng dường pháp.

- Không phóng dật: Là đối với năm thứ thiện xảo, siêng tu gia hạnh tương tục không gián đoạn. (Năm thứ thiện xảo là Uẩn thiện xảo cho đến Xứ phi xứ thiện xảo).

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da có năm thứ thâm nhận:

1. Thâm nhận thuộc về mình.
2. Thâm nhận vâng theo.

3. Thâu nhận giao gởi.
4. Thâu nhận xả thí.
5. Thâu nhận vì kẻ khác.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận thuộc về mình không được thanh tịnh:

1. Sanh nhiễm vương.
2. Định chứa nhóm.

Cùng với đây trái nhau mới được thanh tịnh.

Do hai nhân duyên nên khiến thâu nhận vãng theo không được thanh tịnh:

1. Thâu nhận không đúng xứ.
2. Thâu nhận không đúng lượng, không đúng pháp.

Cùng trái với đây mới gọi là thanh tịnh.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận giao gởi không được thanh tịnh:

1. Không quan sát người mà giao gởi.
2. Đối với vật bất tịnh, Tâm vương mắc.

Cùng với đây trái nhau mới được thanh tịnh.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận xả thí không được thanh tịnh:

1. Đối với ruộng xấu ác mà xả thí.
2. Xả thí có mong cầu.

Trừ ba thứ ruộng, số còn lại nên biết gọi là ruộng xấu ác. Ba thứ ruộng đó là: Ruộng công đức. Ruộng bi. Ruộng ân.

Cùng trái với hai nhân duyên trên mới được thanh tịnh.

Do hai nhân duyên khiến thâu nhận vì kẻ khác không được thanh tịnh:

1. Không giao tiếp từ trước, lại không báo cho biết cùng tánh không hiểu biết.

2. Có Tâm nhiễm.

Cùng trái với đây mới được thanh tịnh.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da, do năm nhân duyên nên sự thọ dụng không được thanh tịnh:

1. Tánh có tội.
2. Không đoan nghiêm.
3. Không nhận dùng.
4. Không gồm thuộc.
5. Không Tác tịnh.

- Tánh có tội: Nghĩa là dựa vào các vật dụng đong lường giả dối để bắt bớ, đánh đập, sát hại kẻ kia, nhằm thu giữ các tài vật đạt được để thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

- Không đoan nghiêm: Nghĩa là thọ nhận ruộng vườn nhà cửa cùng vô số vật dụng, của cải tặng biếu, lo lót v.v... để thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

- Không nhận dùng: Nghĩa là các vật dụng bị nhiễm ô do “đại tiểu tiện lợi”, nước mũi, nước miếng, máu mủ v.v... Lại có những loại cũng giống như thế, nếu thọ dụng gọi là không thanh tịnh. Như Đức Thế Tôn nói: “Các vật dụng dùng cho đại tiểu tiện lợi v.v... đều không thanh tịnh, không nên thọ dụng”.

- Không gồm thuộc: Nghĩa là các vật thuộc “Tăng chi”, hoặc không sai bảo đầy đủ, không rơi trong bát thì cũng không thuộc về bát. Hoặc vật của người khác, không cho, không xả, cũng không từ bỏ, không phải xứ tin cậy, cũng lại không đúng lượng mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

- Không Tác tịnh: Nghĩa là năm thứ tịnh:

1. Tịnh nhận được.

2. Tịnh tổn hoại.

3. Tịnh giao gửi.

4. Tịnh thời pháp.

5. Tịnh xả phân biệt.

Mọi thọ dụng hiện có, cùng trái nhau với đây gọi là thanh tịnh.

